

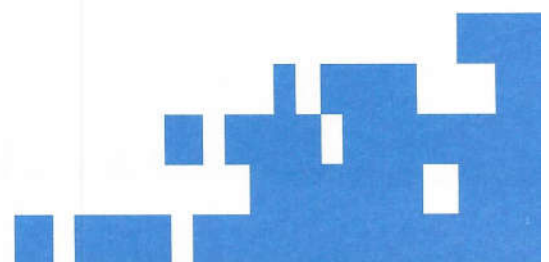


**RSM**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG KON TUM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/12/2025



<b>MỤC LỤC</b>	
	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 25



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03/10/2025)
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/10/2025)
Bà Huỳnh Lệ Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Bích Nhi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Cẩn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Thị Thu Hằng**  
**Tổng Giám đốc**

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2026

KIỂM  
R  
VH



Số: 03/2026/SX-RSMHCM

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  


**Lục Thị Vân**

**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>Tại ngày 01/07/2025</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>360.705.332.651</b>	<b>361.921.665.711</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>38.993.187.891</b>	<b>10.836.357.237</b>
1. Tiền	111	4.1	38.993.187.891	10.836.357.237
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>18.756.000.000</b>	<b>18.756.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	18.756.000.000	18.756.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>123.081.757.261</b>	<b>79.554.743.689</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	87.901.151.600	40.255.861.540
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	34.509.032.012	37.723.050.657
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.204.552.092	2.108.809.935
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(3.672.978.443)	(3.672.978.443)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.6	<b>179.136.909.097</b>	<b>252.297.556.080</b>
1. Hàng tồn kho	141		180.665.344.731	253.825.991.714
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.528.435.634)	(1.528.435.634)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>737.478.402</b>	<b>477.008.705</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		737.478.402	477.008.705
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>210.265.500.885</b>	<b>194.866.761.026</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>197.627.715.120</b>	<b>184.601.222.816</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	196.387.554.754	183.357.469.590
Nguyên giá	222		429.582.119.224	407.788.046.329
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.194.564.470)	(224.430.576.739)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.240.160.366	1.243.753.226
Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(718.633.920)	(715.041.060)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.568.888.370</b>	<b>5.798.949.687</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.568.888.370	5.798.949.687
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.068.897.395</b>	<b>4.466.588.523</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.068.897.395	4.466.588.523
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>570.970.833.536</b>	<b>556.788.426.737</b>

(Xem tiếp trang sau)



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/07/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>313.414.746.711</b>	<b>300.931.846.770</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>302.405.165.711</b>	<b>286.103.846.770</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	47.412.769.769	33.073.940.957
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.234.906.751	654.731.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	3.590.280.800	4.331.677.195
4. Phải trả người lao động	314		1.945.550.307	1.189.841.912
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.476.633.707	3.060.398.203
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		105.134.681	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		432.426.323	554.234.671
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	231.501.073.838	231.493.832.846
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.11	8.000.000.000	10.859.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.706.389.535	886.189.535
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.009.581.000</b>	<b>14.828.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		181.581.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.10	10.828.000.000	14.828.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>257.556.086.825</b>	<b>255.856.579.967</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.12.1	<b>257.555.998.643</b>	<b>255.856.491.785</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.12.2	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.5	18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.12.5	8.903.262.917	8.903.262.917
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		176.668.707.033	174.969.200.175
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		173.469.200.175	140.873.460.668
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.199.506.858	34.095.739.507
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>88.182</b>	<b>88.182</b>
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>570.970.833.536</b>	<b>556.788.426.737</b>



Phê duyệt

**Dặng Thị Thu Hằng**  
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Người lập

**Võ Thị Ái Thùy**  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.14	168.733.431.692	175.902.904.883
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		168.733.431.692	175.902.904.883
3. Giá vốn hàng bán	11	4.15	152.651.162.378	144.221.065.425
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.082.269.314	31.681.839.458
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		542.471.310	1.156.122.239
6. Chi phí tài chính	22	4.16	9.002.324.649	9.683.564.399
Trong đó, chi phí lãi vay	23		8.938.845.196	9.683.564.399
7. Chi phí bán hàng	25		936.704.015	498.107.115
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.17	1.981.958.657	2.029.783.274
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.703.753.303	20.626.506.909
10. Thu nhập khác	31		32.407.407	62.042.424
11. Chi phí khác	32		1.457.161.084	1.071.304.000
12. Lợi nhuận khác	40		(1.424.753.677)	(1.009.261.576)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.278.999.626	19.617.245.333
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.19	79.492.768	326.892.700
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.199.506.858	19.290.352.633
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	631	3.805
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	631	3.805



Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng  
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Người lập

Võ Thị Ái Thùy  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		135.443.264.993	129.876.005.825
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(68.182.058.626)	(26.525.278.978)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.893.070.998)	(10.116.297.357)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(6.119.673.628)	(7.877.695.539)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	4.9	(505.455.707)	(153.918.235)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		329.599.234	209.950.404
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.812.379.779)	(7.916.352.534)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>37.260.225.489</b>	<b>77.496.413.586</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.255.993.801)	(28.776.909.202)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		145.357.974	775.015.390
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.110.635.827)</b>	<b>(28.001.893.812)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.20	58.891.251.180	44.321.168.030
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.21	(62.884.010.188)	(26.967.467.722)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.992.759.008)</b>	<b>17.353.700.308</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>28.156.830.654</b>	<b>66.848.220.082</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.836.357.237	1.318.106.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	4.1	<b>38.993.187.891</b>	<b>68.166.326.526</b>



Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng  
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Người lập

Võ Thị Ái Thùy  
Kế toán trưởng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo:

- Quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12 tháng 05 năm 2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3803000111 ngày 27 tháng 10 năm 2006 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại có mã số 6100228104) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 10 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 987/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 456/CV-KTS ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 50.700.000.000 VND, được chi tiết như sau:

<b>Nhà đầu tư</b>	<b>Quốc gia/ Quốc tịch</b>	<b>Tại ngày 31/12/2025</b>		<b>Tại ngày 01/07/2025</b>	
		<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Việt Nam	7.605.000.000	15	7.605.000.000	15
Ông Nguyễn Tất Đạt	Việt Nam	3.588.000.000	7	3.588.000.000	7
Các cổ đông khác	Đa quốc gia	39.507.000.000	78	39.507.000.000	78
<b>Cộng</b>		<b>50.700.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 229 (30/06/2025: 226).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm có liên quan.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm hiện hành.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền**

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/07/2025 VND</b>
Tiền mặt	508.248.891	303.189.321
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.484.939.000	10.533.167.916
<b>Cộng</b>	<b>38.993.187.891</b>	<b>10.836.357.237</b>

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,2%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/07/2025 VND</b>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.23	87.343.230.000	932.298.640
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH An Hà	-	38.600.000.000
Các khách hàng khác	557.921.600	723.562.900
<b>Cộng</b>	<b>87.901.151.600</b>	<b>40.255.861.540</b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/07/2025 VND</b>
Ứng vốn cho nông dân đầu tư trồng mía vùng nguyên liệu	27.891.356.798	29.921.748.281
Trả trước cho các nhà cung cấp khác (*)	6.617.675.214	7.801.302.376
<b>Cộng</b>	<b>34.509.032.012</b>	<b>37.723.050.657</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

#### 4.5. Nợ xấu

Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/07/2025	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
3.693.395.353	20.416.910	3.693.395.353	20.416.910

**Tổng giá trị các khoản phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn thanh toán**  
**khó có khả năng thu hồi**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/07/2025		
VND			VND		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu về cho vay:					
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	-	Trên 3 năm	2.000.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	500.000.000	-	Trên 3 năm	500.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	-	Trên 3 năm	450.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bô	190.000.000	-	Trên 3 năm	190.000.000	Trên 3 năm

Phải thu về lãi cho vay:

Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	235.069.436	-	Trên 3 năm	235.069.436	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Thủy lợi Kiên Giang	189.512.499	-	Trên 3 năm	189.512.499	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	4.867.778	-	Trên 3 năm	4.867.778	-	Trên 3 năm
Phải thu nợ đầu tư vùng nguyên liệu	123.945.640	20.416.910	Từ 1 năm đến trên 3 năm	123.945.640	20.416.910	Từ 1 năm đến trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>3.693.395.353</b>	<b>20.416.910</b>		<b>3.693.395.353</b>	<b>20.416.910</b>	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Hàng tồn kho**

	<b>Tại ngày 31/12/2025</b>		<b>Tại ngày 01/07/2025</b>	
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.021.208.392	(1.528.435.634)	2.493.580.419	(1.528.435.634)
Công cụ, dụng cụ	21.476.848.993	-	16.576.185.811	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.504.536.123	-	6.173.208.846	-
Thành phẩm	134.814.532.933	-	220.650.148.978	-
Hàng hóa	5.848.218.290	-	7.932.867.660	-
<b>Cộng</b>	<b>180.665.344.731</b>	<b>(1.528.435.634)</b>	<b>253.825.991.714</b>	<b>(1.528.435.634)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngok Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Tại ngày 01/07/2025	110.392.805.499	294.409.939.125	2.315.851.570	669.450.135	407.788.046.329
Mua trong kỳ	-	10.880.198.467	3.215.679.999	38.900.000	14.134.778.466
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	6.118.454.029	-	-	6.118.454.029
Tăng khác	-	1.540.840.400	-	-	1.540.840.400
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>110.392.805.499</b>	<b>312.949.432.021</b>	<b>5.531.531.569</b>	<b>708.350.135</b>	<b>429.582.119.224</b>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/07/2025	60.153.811.397	162.031.030.358	1.715.867.927	529.867.057	224.430.576.739
Khấu hao trong kỳ	1.553.165.082	7.065.083.284	127.427.707	18.311.658	8.763.987.731
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>61.706.976.479</b>	<b>169.096.113.642</b>	<b>1.843.295.634</b>	<b>548.178.715</b>	<b>233.194.564.470</b>

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/07/2025	50.238.994.102	132.378.908.767	599.983.643	139.583.078	183.357.469.590
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>48.685.829.020</b>	<b>143.853.318.379</b>	<b>3.688.235.935</b>	<b>160.171.420</b>	<b>196.387.554.754</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 105.471.291.590 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 117.618.361.684 VND.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

## 4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/07/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.23	4.155.824.606	4.155.824.606	142.286.168	142.286.168
Phải trả người bán khác:				
Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	7.017.900.000	7.017.900.000	13.017.900.000	13.017.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nông nghiệp Tiến Nông	4.024.100.000	4.024.100.000	12.024.100.000	12.024.100.000
Các đối tượng khác (*)	32.214.945.163	32.214.945.163	7.889.654.789	7.889.654.789
<b>Cộng</b>	<b>47.412.769.769</b>	<b>47.412.769.769</b>	<b>33.073.940.957</b>	<b>33.073.940.957</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/07/2025 VND	
	Phải nộp		Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng	3.427.932.419		13.980.635.408	13.887.338.649	3.334.635.660	
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-		45.299.917	45.299.917	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.236.888		79.492.768	505.455.707	467.199.827	
Thuế thu nhập cá nhân	16.142.978		93.106.595	92.442.173	15.478.556	
Thuế tài nguyên	22.055.850		22.055.850	16.850.000	16.850.000	
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-		14.801.211	512.314.363	497.513.152	
Các loại thuế khác	82.912.665		154.124.070	71.211.405	-	
<b>Cộng</b>	<b>3.590.280.800</b>		<b>14.389.515.819</b>	<b>15.130.912.214</b>	<b>4.331.677.195</b>	

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025		Trong kỳ		Tại ngày 01/07/2025	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	219.501.073.838	219.501.073.838	58.891.251.180	57.884.010.188	218.493.832.846	218.493.832.846
Vay dài hạn đến hạn trả	12.000.000.000	12.000.000.000	4.000.000.000	5.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>231.501.073.838</b>	<b>231.501.073.838</b>	<b>62.891.251.180</b>	<b>62.884.010.188</b>	<b>231.493.832.846</b>	<b>231.493.832.846</b>
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	22.828.000.000	22.828.000.000	-	5.000.000.000	27.828.000.000	27.828.000.000
Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)	(4.000.000.000)	(5.000.000.000)	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>10.828.000.000</b>	<b>10.828.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>14.828.000.000</b>	<b>14.828.000.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>242.329.073.838</b>	<b>242.329.073.838</b>	<b>58.891.251.180</b>	<b>62.884.010.188</b>	<b>246.321.832.846</b>	<b>246.321.832.846</b>

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 220 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, chịu lãi suất từ 7,1%/năm đến 7,8%/năm và dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị với giá trị còn lại là 105.471.291.590 VND – Xem thêm Mục 4.7;
- Quyền sử dụng đất tại thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam;
- Quyền sử dụng đất tại Khu dân cư Hòa Thọ, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng;
- Hàng tồn kho và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn dài hạn là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 80 tỷ VND, có thời hạn 5 năm, chịu lãi suất từ 10,5%/năm đến 12%/năm và dùng để đầu tư nâng công suất nhà máy đường của Công ty. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay là dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/07/2025 VND</b>
Dự phòng sửa chữa tài sản cố định	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng quỹ tiền lương	-	2.859.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>10.859.000.000</b>

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Thôn Kon Rờ Bàng 1, xã Ngok Bay, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/07/2024	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	7.900.792.917	147.922.922.352
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	19.290.352.633
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023-2024	-	-	-	-	(1.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư vùng nguyên liệu	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	20.538.316
					20.538.316
Tại ngày 31/12/2024	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	8.900.792.917	165.233.813.301
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	14.805.386.874
Chia cổ tức năm 2023-2024	-	-	-	-	(5.070.000.000)
Tăng khác	-	-	-	2.470.000	-
					2.470.000
Tại ngày 01/07/2025	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	8.903.262.917	174.969.200.175
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	3.199.506.858
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024-2025	-	-	-	-	(1.500.000.000)
					(1.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	8.903.262.917	176.668.707.033
					257.555.998.643

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/07/2025 VND</b>
Vốn góp của Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Vốn góp của Ông Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>50.700.000.000</b>

**4.12.3. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>Tại ngày 01/07/2025</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.070.000	5.070.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.12.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.199.506.858	19.290.352.633
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.199.506.858	19.290.352.633
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	5.070.000	5.070.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>631</b>	<b>3.805</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2025, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông thì lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**4.12.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>
Tại ngày 01/07/2025	18.674.216.181	8.903.262.917
Trích trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>8.903.262.917</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	ĐVT	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/07/2025
<u>Hàng hoá nhận ký gửi, giữ hộ:</u>			
Đường thành phẩm	Tấn	3.113,55	3.340,52
Mật rỉ	Tấn	454,00	1.620,23
		<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>Tại ngày 01/07/2025</b>
<u>Nợ khó đòi đã xử lý:</u>			
Các nông dân trồng mía – Xóa nợ do các công nợ này không còn khả năng thu hồi		12.459.952.254	12.459.952.254

**4.14. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán đường	161.382.976.850	156.940.708.571
Doanh thu bán mật rỉ	4.222.222.222	8.265.914.286
Doanh thu bán phân bón, thuốc trừ sâu	1.836.078.857	5.512.405.750
Doanh thu khác	1.292.153.763	5.183.876.276
<b>Cộng</b>	<b>168.733.431.692</b>	<b>175.902.904.883</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.23	165.628.170.832	169.369.744.048

**4.15. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn đường	147.309.095.816	127.210.260.818
Giá vốn mật rỉ	3.687.965.683	7.699.636.141
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu	1.654.100.879	4.996.294.292
Giá vốn khác	-	4.314.874.174
<b>Cộng</b>	<b>152.651.162.378</b>	<b>144.221.065.425</b>

(Xem tiếp trang sau)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

## 4.16. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	8.938.845.196	9.683.564.399
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng	63.479.453	-
<b>Cộng</b>	<b>9.002.324.649</b>	<b>9.683.564.399</b>

## 4.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	789.734.195	776.572.922
Chi phí đồ dùng văn phòng	64.973.365	123.215.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.361.020	291.006.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.822.812	19.852.197
Chi phí bằng tiền khác	829.067.265	819.135.380
<b>Cộng</b>	<b>1.981.958.657</b>	<b>2.029.783.274</b>

## 4.18. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.946.786.008	58.662.029.158
Chi phí nhân công	5.293.048.905	5.143.293.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.706.868.901	8.557.945.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.701.278.945	2.438.984.728
Chi phí bằng tiền khác	1.417.553.523	1.531.368.424
<b>Cộng</b>	<b>77.065.536.282</b>	<b>76.333.621.840</b>

## 4.19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	79.492.768	326.892.700

## 4.20. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	58.891.251.180	44.321.168.030

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.21. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(62.884.010.188)	(26.967.467.722)

**4.22. Báo cáo bộ phận**

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chủ yếu là từ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đường và sản phẩm liên quan đến hoạt động kinh doanh đường mía nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Quảng Ngãi. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**4.23. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	Bà Tạ Ngọc Hương – vợ ông Trần Ngọc Hiếu (Chủ tịch HĐQT Công ty) là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt
3. Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
4. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
5. Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
6. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
7. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
8. Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
9. Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/07/2025 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	64.600.000.000	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	22.083.230.000	5.008.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	660.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	-	799.450.000
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	-	127.840.140
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.3</b>	<b>87.343.230.000</b>	<b>932.298.640</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.23. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

	<b>Tại ngày 31/12/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/07/2025 VND</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn:</b>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	4.130.172.606	30.146.688
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	25.652.000	112.139.480
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.8</b>	<b>4.155.824.606</b>	<b>142.286.168</b>
<b>Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:</b>		
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	144.537.037.037	87.314.285.714
Công ty TNHH Kim Hà Việt	20.480.022.684	26.518.705.952
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	611.111.111	51.361.152.382
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	-	4.175.600.000
<b>Cộng - Xem thêm Mục 4.14</b>	<b>165.628.170.832</b>	<b>169.369.744.048</b>
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ:</b>		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	3.798.078.973	1.899.343.181
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện máy Cần Thơ	65.779.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	-	16.940.000
<b>Cộng</b>	<b>3.863.857.973</b>	<b>1.916.283.181</b>

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.23. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và nhân sự quản lý chủ chốt khác của Công ty trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)	68.300.000	48.000.000
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 03/10/2025)	46.500.000	90.000.000
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (bổ nhiệm thành viên HĐQT ngày 03/10/2025)	204.400.000	181.500.000
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 03/10/2025)	24.800.000	75.584.000
Bà Huỳnh Lệ Thanh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 03/10/2025)	23.200.000	-
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	74.185.812	83.402.490
Ông Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc	60.040.571	62.472.000
Bà Trần Thị Bích Nhi	Trưởng Ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên Ban kiểm soát	85.214.378	89.705.814
Bà Võ Thị Ái Thùy	Kế toán trưởng	67.073.833	54.950.546
<b>Cộng</b>		<b>725.714.594</b>	<b>757.614.850</b>

**4.24. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**Phê duyệt**



**Đặng Thị Thu Hằng**  
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 57/GUQ-2025 ngày 03/10/2025

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**Người lập**



**Võ Thị Ái Thùy**  
Kế toán trưởng